

Số: **183/QHTLMN**
V/v: Góp ý Dự án “Nước ngọt cho
Đồng bằng sông Cửu Long”.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Cục Thủy lợi

Để hỗ trợ các cơ quan quản lý có thông tin thêm về quan điểm quy hoạch, về tính khả thi của Dự án “Nước ngọt cho Đồng bằng sông Cửu Long” mà mấy ngày gần đây trên các trang web đưa tin, qua nghiên cứu, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam có một số ý kiến như sau:

1. Trước tiên cũng cần thống nhất là việc thiếu nước ngọt ở ĐBSCL, đặc biệt vùng ven biển, không phải do thiếu nguồn nước mà vì không tiếp cận được nguồn nước ngọt trong thời gian cần. Mỗi năm, nguồn nước sông Mê Công về vùng ĐBSCL trung bình khoảng 475 tỷ m³. Trong khi đó, nhu cầu nước chỉ khoảng 20 – 25 tỷ m³. Ngay cả tháng kiệt nhất trong mùa khô, lưu lượng bình quân về ĐBSCL cũng vào khoảng 2.200 – 2.300 m³/s, trong khi nhu cầu lớn nhất chỉ là 1.400 m³/s. Vì vậy, giải pháp quan trọng nhất là làm sao để các vùng thiếu nước hiện nay tiếp cận được với nguồn nước ngọt. Nhiều giải pháp cũng đã được nghiên cứu đề xuất như xây dựng các hệ thống thủy lợi kiểm soát mặn, đề trữ ngọt tạo nguồn cấp, xây dựng các công trình kênh chuyển nước từ các vùng ngọt đến vùng thiếu nước, xây dựng các hồ trữ nước có quy mô lớn để trữ, chuyển, bơm chuyển đến vùng cần...

2. Một vấn đề đặt ra trước những thông tin trên công luận hiện nay là giải pháp hồ trữ nước ngọt¹ ở ĐBSCL có khả thi và hiệu quả hay không? Chúng ta đều biết, khác với hồ chứa vùng cao, hồ trữ ở ĐBSCL không có đầu nước lớn, nên việc đưa nước vào sử dụng bắt buộc phải dùng động lực (bơm). Và việc chuyển nước ngọt từ hồ để phục vụ cấp nước tưới xa đi qua vùng xung quanh là nước mặn thì bắt buộc phải dùng các công trình rất tốn kém như đường ống, bao tách kênh riêng để bảo đảm kiểm soát được nguồn nước. Mặt khác, vùng ĐBSCL có địa hình bằng phẳng nên để có hồ chứa trữ được lượng nước đủ lớn sẽ mất rất nhiều đất. Vì vậy, hồ trữ (hồ chứa) ở ĐBSCL chỉ có hiệu quả ở quy mô nhỏ, phục vụ cho mục đích mang lại hiệu quả kinh tế cao (cấp nước sinh hoạt, cây ăn trái,...), và chỉ phù hợp phục vụ tại chỗ, không phù hợp chuyển nước đi quá xa do rất tốn kém.

3. Hiện nay, ở ĐBSCL các hồ trữ đã và đang được xây dựng như hồ trữ U Minh Hạ (Cà Mau), hồ trữ Vị Thủy (Hậu Giang), hồ trữ U Minh Thượng (Kiên Giang), hồ Kênh Lấp (Bến Tre) và các hồ trữ chống cháy rừng trong rừng U Minh Hạ và U Minh Thượng. Các hồ này chủ yếu phục vụ cấp nước sinh hoạt và chống cháy rừng không phục vụ cấp nước sản xuất.

¹ [Đề xuất xây 2 hồ trữ nước ngọt tại miền Tây - Báo VnExpress](#)

4. Đối với cấp nước cho sản xuất, việc trữ nước trong các hệ thống kênh rạch khi xây dựng công trình kiểm soát mặn tạo thành các hồ trữ như HTTL Gò Công, Nam Mang Thít, Bắc/Nam Bến Tre, Long Phú – Tiếp Nhật, U Minh Hạ và U Minh Thượng,... sẽ phù hợp hơn do hệ thống các kênh phân bố đều trên toàn bộ vùng dự án; việc đưa nước từ nơi trữ đến vùng sản xuất thuận tiện hơn. Ngoài ra, trữ trên ao/mương vườn của quy mô hộ gia đình cũng đã và đang được khuyến khích áp dụng.

5. ĐBSCL có nền nhiệt độ trung bình cao, số giờ nắng nhiều nên lượng bốc hơi rất lớn (trung bình hơn 1.000mm/năm). Các hồ đề xuất có chiều cao nước trữ khoảng 3-4 m, như vậy lượng nước bốc hơi năm đã chiếm khoảng 25-30% lượng nước trữ được, hiệu quả của hồ sẽ giảm bớt nhiều.

6. Để trữ được nước đối với hồ ở đồng bằng thì có 2 lựa chọn làm hồ chìm (đào) hoặc hồ nổi (đắp đê bao xung quanh). Cả 2 phương án này đều có những nhược điểm rất lớn là: Nếu làm hồ chìm thì rất khó khăn cho việc chuyển nước đến nơi cần dùng (cần phải bơm, dẫn nước đi); Nếu làm hồ nổi thì khi tích nước vào cần phải dùng trạm bơm để bơm nước ngoài kênh vào hồ. Như vậy, chi phí cho việc vận hành hồ sẽ rất cao, làm chi phí cho 1 m³ nước đến nơi cần dùng sẽ cao và không hiệu quả. Cụ thể, với các thông tin thể hiện qua báo chí thì 2 hồ chứa là hồ Tràm Chim và Lung Ngọc Hoàng có suất đầu tư cho 1 m³ nước tương ứng là 45.000đ và 68.000đ. Để so sánh, chúng tôi thu thập một số thông tin cho thấy, suất đầu tư cho hồ chứa La Ngà 3 (đang lập dự án đầu tư) ở vùng Bình Thuận với dung tích chứa khoảng 470 triệu m³ khoảng 16.000 đồng/m³; suất đầu tư cho hồ chứa Sông Cái thuộc Ninh Thuận (đã đi vào hoạt động)-vùng khô hạn, khó khăn về nước với dung tích 220 triệu m³ cũng chỉ khoảng 27.000 đồng/m³. Rõ ràng làm 2 hồ chứa như đề xuất quá đắt đỏ.

7. Việc xây dựng các hồ chứa ở đồng bằng cần đặc biệt lưu ý đến vấn đề đất phèn. Đào hồ quá sâu, nếu không có các biện pháp xử lý sẽ dễ dẫn tới xói phèn, ảnh hưởng đến chất lượng nước trong hồ.

8. Dự án đề xuất 2 hồ chứa Tràm Chim và Lung Ngọc Hoàng có tính khả thi không cao do diện tích mất đất quá lớn và lượng nước trữ quá nhỏ so với diện tích đất. Ngoài ra, để chuyển nước từ Tràm Chim đi Long An, Tiền Giang, Bến Tre (đây là những vùng thiếu nước, cần nước) không thể sử dụng công trình để chuyển nước từ Tràm Chim thay vì có thể lấy ở chỗ khác gần hơn, như cấp cho Bến Tre có thể lấy từ Mỹ Thuận, cấp cho Gò Công có thể cấp từ dự án Bảo Định,... với quãng đường gần hơn rất nhiều.

9. Bên cạnh đó, những tác động tiêu cực gì sẽ xảy ra đối với môi trường đất, môi trường nước, không khí, môi trường sống của các loài thủy sinh, các loài chim, các loài cây trong trường hợp xây dựng hồ trữ tới hệ sinh thái đất ngập nước khu vực rừng Tràm Chim và Lung Ngọc Hoàng chưa được đề cập tới.

10. Ý tưởng xây dựng hồ trữ nước ngọt phục vụ cho cấp nước sinh hoạt, sản xuất (có giá trị kinh tế cao) là phù hợp với Quan điểm về bảo đảm an ninh

nguồn nước cho vùng ĐBSCL của Đảng, Chính phủ. Tuy nhiên, việc lựa chọn vị trí và quy mô 2 hồ trữ như đề xuất là chưa phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng cấp nước sinh hoạt, sản xuất, phương án quy hoạch sử dụng đất trong các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, như: Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 phê duyệt Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 phê duyệt Quy hoạch PCTT và Thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; 174/QĐ-TTg ngày 06/3/2023 phê duyệt Quy hoạch Tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Các quyết định phê duyệt Quy hoạch các tỉnh vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trong hai năm vừa qua.

Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam xin gửi Cục Thủy lợi một số ý kiến trên để tham khảo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPV.

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Đức Dũng